

Số: 170/2023/QĐST-HNGĐ

Quận Y, ngày 04 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y – THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 143; Điều 149; Điều 212; Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 149/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1) Bà Nguyễn Mộng T, sinh năm 1967

2) Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: 24.01A Chung cư H, 126 đường B, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số TT/HT, Quyền số 0R/FF do Ủy ban nhân dân Phường M, thị xã G, tỉnh T cấp ngày 07/01/1988 cho bà Nguyễn Mộng T và ông Nguyễn Văn K xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Mộng T và ông Nguyễn Văn K là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[2] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26 tháng 6 năm 2023, bà Nguyễn Mộng T và ông Nguyễn Văn K thuận tình ly hôn và thỏa thuận các nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Mộng T và ông Nguyễn Văn K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Mộng T và ông Nguyễn Văn K có 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Huyền T, giới tính: Nữ, sinh ngày 13/01/1989 và Nguyễn Vĩnh K, giới tính: Nam, sinh ngày 31/5/1997. Hai con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Mộng T và ông Nguyễn Văn K tự xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Mộng T và ông Nguyễn Văn K cam đoan không có nợ chung và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự chung với cá nhân hay cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhận thấy, việc thuận tình ly hôn và các nội dung thỏa thuận giữa bà Nguyễn Mộng T và ông Nguyễn Văn K được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Mộng T và ông Nguyễn Văn K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Mộng T và ông Nguyễn Văn K có 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Huyền T, giới tính: Nữ, sinh ngày 13/01/1989 và Nguyễn Vĩnh K, giới tính: Nam, sinh ngày 31/5/1997. Hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Mộng T và ông Nguyễn Văn K tự xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Mộng T và ông Nguyễn Văn K cam đoan không có nợ chung và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự chung với cá nhân hay cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Mộng T và ông Nguyễn Văn K mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng mà bà Nguyễn Mộng T và ông Nguyễn Văn K đã tạm nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0010693 ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố H. Như vậy, bà Nguyễn Mộng T và ông Nguyễn Văn K đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Quận Y;
- Chi Cục THADS Quận Y;
- UBND Phường M, thị xã G, tỉnh T (Giấy chứng nhận kết hôn số TT/HT, Quyền số 0R/FF cấp ngày 07/01/19QQ);
- Lưu: VP, Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Linh Sương